

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/DS-ST

Ngày 26-9-2017

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hà.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dục, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2016/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2016 về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11A/2017/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần Trọng N.

2. Bà Phạm Ngọc L.

Cùng cư trú tại: Đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L là ông Huỳnh Hoài N; địa chỉ: đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền, ngày 03 tháng 12 năm 2015).

- Bị đơn:

1. Bà Hồ Thị Kim K; cư trú tại: Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Trần Ngọc K; có địa chỉ cư trú tại Midcrown Dr, Windcrest, Texas (TX 78239), USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L, trình bày:

- Năm 2011, bị đơn ông Trần Ngọc K và bà Hồ Thị Kim K đã đặt vấn đề với nguyên đơn ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L là cho họ vay tiền để đầu tư kinh doanh; do ông K là anh ruột của ông N nên ông N, bà L đã đồng ý. Số tiền vay mỗi lần sẽ được chuyển qua tài khoản mở tại Ngân hàng và toàn bộ quá trình đàm phán, cũng như thực hiện giao dịch do là người nhà nên đã không lập bất cứ giấy tờ, văn bản nào. Sau đó, từ ngày 07/9/2011 đến ngày 16/8/2012, ông N, bà L đã lần lượt chuyển tiền vào tài khoản số 2000206250868 mở tại Ngân hàng N đứng tên bà K tổng số tiền là 19.205.336.000 đồng.

- Trong thời gian từ ngày 05/10/2011 đến ngày 07/6/2012, ông Trần Ngọc K và bà Hồ Thị Kim K cũng đã chuyển tiền trả lại cho ông, bà vào tài khoản số 1602205112771 mở tại Ngân hàng N đứng tên bà L tổng số tiền là 8.311.000.000 đồng.

- Đến tháng 9/2012, hai bên có thêm thỏa thuận tính lãi kể từ đầu tháng 9/2012 trên số tiền dư nợ gốc theo mức lãi suất 01% mỗi tháng cho đến khi trả xong nợ.

- Sau đó, do ông K, bà K hoàn trả tiền không đúng hạn như thỏa thuận nên ông, bà liên tục có yêu cầu thanh toán dứt điểm tiền dư nợ nhưng ông K, bà K chỉ hứa hẹn mà vẫn không trả thêm được số tiền nào nữa. Sau này ông, bà được biết con trai ông K, bà K tiến hành làm thủ tục bảo lãnh cho cha mẹ qua Hoa Kỳ định cư nên ông, bà đã khởi kiện yêu cầu ông K, bà K phải thanh toán số tiền nợ còn lại là 16.680.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 12.000.000.000 đồng và tiền lãi là 4.680.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về các nội dung và lý do sau: Do không chứng minh được ông Trần Ngọc K có liên quan đến giao dịch vay tiền với ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L nên nguyên đơn rút yêu cầu về nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền đối với ông K; do không chứng minh được giao dịch vay có lãi nên nguyên đơn rút yêu cầu về khoản trả lãi với số tiền lãi là 4.680.000.000 đồng; do đã đối chiếu xác định được số tiền bà K đã thanh toán cho ông N, bà L là 8.311.000.000 đồng nên nay ông N, bà L yêu cầu bà K thanh toán số tiền gốc còn lại là 10.894.336.000 đồng.

Bị đơn bà Hồ Thị Kim K, trình bày:

- Nguyên từ tháng 9 năm 2011 đến tháng 8 năm 2012, giữa bà và bà Phạm Ngọc L có hỗ trợ nhau tiền làm ăn; tuy nhiên, hai bên không có ký kết giấy tờ, văn bản liên quan nào. Tiền giao dịch đều được chuyển thông qua tài khoản của bà và bà L mở tại Ngân hàng; bà L đã có hỗ trợ chuyển tiền cho bà nhiều lần với tổng số tiền 12.000.000.000 đồng; không có lãi. Sau đó bà đã chuyển trả lại cho bà L gần hết số tiền này, theo Giấy chuyển tiền về lại tài khoản của bà L, bà có gửi kèm theo giấy photo đã chuyển tiền giao dịch về tài khoản bà L; số liệu chính xác bà sẽ cung cấp cho Tòa án sau.

- Đối với chồng bà là ông Trần Ngọc K hiện đang ở nước ngoài nên không thể đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án được nhưng giao dịch về tiền nói trên là giữa bà và bà L, còn ông K không hề biết việc này nên bà nghĩ ông K không liên quan; riêng cá nhân bà sẽ chịu trách nhiệm với bà L và sẽ trả đủ nếu còn thiếu nợ bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Ngọc K không có văn bản phản hồi cho Tòa án, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 147 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu tranh chấp về hợp đồng vay tài sản của ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L đối với bà Hồ Thị Kim K.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và bị đơn được xác định theo đơn khởi kiện là ông Trần Ngọc K, Quốc tịch Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại Midcrown Dr, Windcrest, Texas (TX 78239), USA và bà Hồ Thị Kim K; có địa chỉ cư trú tại Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, nên vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo quy định tại các Điều 37, Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, ngày 16/12/2016, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Trần Ngọc K và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thu thập chứng cứ ở nước ngoài theo phương thức được quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 474 và khoản 1 Điều 475 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, sau đó Tòa án

không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu chứng cứ của đương sự ở nước ngoài là ông Trần Ngọc K và đến ngày mở phiên tòa 25/4/2017 ông K cũng không có mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo việc thực hiện cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho ông K và thu thập chứng cứ ở nước ngoài. Sau đó, Bộ Tư pháp đã có các văn bản số: 1735/BTP-PLQT ngày 12/5/2017 và 2751/BTP-PLQT ngày 07/9/2017 V/v tiến độ thực hiện ủy thác tư pháp, gửi Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) nhưng Bộ Tư pháp vẫn không nhận được văn bản trả lời, nên Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông K là đương sự ở nước ngoài, theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền đối với ông Trần Ngọc K; giữ lại yêu cầu đối với bị đơn bà Hồ Thị Kim K, xét đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự và cũng phù hợp với ý chí của bà K về việc bà đã xác định nghĩa vụ cá nhân của bà đối với nguyên đơn chứ không liên quan đến ông K, theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng Dân sự, nên cần được chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu về khoản tiền lãi là 4.680.000.000 đồng, xét yêu cầu rút một phần yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự, nên cần được chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về khoản tiền lãi là 4.680.000.000 đồng của nguyên đơn.

[5] Ngoài ra, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi xác định lại số tiền gốc yêu cầu đối với bị đơn từ 12.000.000.000 đồng xuống còn 10.894.336.000 đồng, do đã đối chiếu xác định được chính xác số tiền bà K đã hoàn trả cho ông N, bà L là 8.311.000.000 đồng, nên số tiền gốc còn lại là 10.894.336.000 đồng, xét đây là yêu cầu thay đổi đúng với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự và có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc bà Hồ Thị Kim K thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chứng minh được bằng các hóa đơn, chứng từ gốc cũng như các văn bản xác nhận của Ngân hàng N là từ ngày 07/9/2011 đến ngày 16/8/2012, bà Phạm Ngọc L đã lần lượt chuyển 20 lần tiền vào tài khoản số 2000206250868 mở tại Ngân hàng N đứng tên bà Hồ Thị Kim K với tổng số tiền là 19.205.336.000 đồng; ngược lại từ ngày 05/10/2011 đến ngày 07/6/2012, bà Hồ Thị Kim K cũng đã chuyển tiền trả lại cho ông N, bà L sáu lần vào tài khoản số 1602205112771 mở tại Ngân hàng N đứng tên bà Phạm Ngọc L với tổng số tiền là 8.311.000.000 đồng. Như vậy, bà K còn nợ chưa thanh toán lại cho ông N, bà L số tiền 10.894.336.000 đồng, nên yêu cầu của ông N, bà L đối với bà K về thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 10.894.336.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, nên cần được chấp nhận.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị Kim K cho rằng bà chỉ vay của bà Phạm Ngọc L tổng số tiền khoảng 12 tỷ đồng và đã trả gần hết số tiền vay này, nhưng bà đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ để chứng minh cho lời khai này, theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng Dân sự, nên không được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm bà Hồ Thị Kim K phải chịu trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ thanh cho ông N, bà L, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 37, Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 244 Điều 474, Điều 475, Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp về hợp đồng vay tài sản của ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L đối với bà Hồ Thị Kim K.

Xử:

1. Buộc bà Hồ Thị Kim K phải thanh toán cho ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L số tiền 10.894.336.000 đồng (Mười tỷ, tám trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về khoản tiền lãi là 4.680.000.000 đồng (Bốn tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng) của ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L đối với bà Hồ Thị Kim K.

3. Về án phí:

Bà Hồ Thị Kim K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 118.894.336 đồng (Một trăm mười tám triệu, tám trăm chín mươi bốn ngàn, ba trăm ba mươi sáu đồng).

Ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông N và bà L 62.300.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 004970 ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Hoài Nam và nguyên đơn ông Trần Trọng N và bà Phạm Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Hồ Thị Kim K không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam